

2026

# PRICE LIST



## BẢNG GIÁ LS



Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 2 cực			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
ABN52c	15-20-30-40-50A	30	990,000
ABN62c	60A	30	1,100,000
ABN102c	15-20-30-40-50-60-75-100A	35	1,280,000
ABN202c	125-150-175-200-225-250A	65	2,400,000
ABN402c	250-300-350-400A	50	5,800,000
ABS32c	5-10-15-20-30A	25	950,000
ABS52c	15-20-30-40-50A	35	1,060,000
ABS102c	40-50-60-75-100-125A	85	1,750,000
ABS202c	125-150-175-200-225-250A	85	2,700,000
BS32c (không vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	115,000
BS32c w/c (có vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	165,000

Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 3 cực			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
ABN53c	15-20-30-40-50A	18	1,150,000
ABN63c	60A	18	1,300,000
ABN103c	15-20-30-40-50-60-75-100A	22	1,500,000
ABN203c	100-125-150-175-200-225-250A	30	2,860,000
ABN403c	250-300-350-400A	42	7,150,000
ABN803c	500-630A	45	13,700,000
ABN803c	700-800A	45	15,500,000
ABS33c	5-10-20-30A	14	1,120,000
ABS53c	15-20-30-40-50A	22	1,250,000
ABS103c	15-20-30-40-50-60-75-100-125A	42	2,050,000
ABS203c	125-150-175-200-225-250A	42	3,350,000
ABS403c	250-300-350-400A	65	7,700,000
ABS803c	500-630A	75	16,100,000
ABS803c	700-800A	75	17,300,000
ABS1003b	1000A	65	33,600,000
ABS1203b	1200A	65	36,000,000
TS1000N 3P	1000A	50	51,500,000
TS1250N 3P	1250A	50	54,000,000
TS1600N 3P	1600A	50	65,000,000
TS1000H 3P	1000A	70	53,700,000
TS1250H 3P	1250A	70	57,500,000
TS1600H 3P	1600A	70	68,500,000
TS1000L 3P	1000A	150	75,000,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 4 cực			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
ABN54c	15-20-30-40-50A	18	1,500,000
ABN104c	15-20-30-40-50-60-75-100A	22	1,850,000
ABN204c	125-150-175-200-225-250A	30	3,450,000
ABN404c	250-300-350-400A	42	8,250,000
ABN804c	500-630A	45	15,500,000
ABN804c	700-800A	45	18,100,000
ABS54c	15-20-30-40-50A	22	1,550,000
ABS104c	20-30-40-50-60-75-100-125A	42	2,350,000
ABS204c	150-175-200-225-250A	42	3,900,000
ABS404c	250-300-350-400A	65	9,500,000
ABS804c	500-630A	75	19,800,000
ABS804c	700-800A	75	22,500,000
ABS1004b	1000A	65	38,500,000
ABS1204b	1200A	65	42,200,000
TS1000N 4P	1000A	50	63,000,000
TS1250N 4P	1250A	50	66,000,000
TS1600N 4P	1600A	50	79,500,000
TS1000H 4P	1000A	70	68,500,000
TS1250H 4P	1250A	70	77,000,000
TS1600H 4P	1600A	70	96,000,000

Cầu dao điện ELCB 2 cực loại chống rò điện			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
32GRc	15-20-30A	1.5	450,000
32GRhS	15-20-30A	2.5	450,000
32KGRd	15-20-30A	2.5	450,000
EBS52Fb	40-50A	5	760,000
EBE102Fb	60-75-100A	5	1,380,000
EBN52c	15-20-30-40-50A	30	1,820,000
EBN102c	60-75-100A	35	2,500,000

Cầu dao điện ELCB 3 cực loại chống rò điện			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
EBN53c	15-20-30-40-50A	14	2,280,000
EBN103c	60-75-100A	18	3,000,000
EBN203c	125-150-175-200-225-250A	26	6,600,000
EBN403c	250-300-350-400A	37	11,800,000
EBN803c	500-630A	37	22,500,000
EBN803c	800A	37	28,600,000

MCCB 3 cực loại khối chỉnh dòng (0.7-0.85-1.0) x In max			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
ABS103c FMU	20-25-32-40-50-63-80-100-125A	37	2,500,000
ABS203c FMU	100-125-160-200-250A	37	3,850,000

MCCB 4 cực loại khối chỉnh dòng (0.7-0.85-1.0) x In max			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
ABS104c FMU	20-25-32-40-50-63-80-100-125A	37	2,950,000
ABS204c FMU	100-125-160-200-250A	37	4,800,000

Phụ kiện cầu dao điện (MCCB)		
<b>Cuộn đóng ngắt</b> Shunt Trip (SHT)	SHT for ABN100c~ABH250c	930,000
	SHT for ABN403c~803c	1,120,000
	SHT for ABS1003b~1204b	1,920,000
	SHT for TS1000~1600	1,600,000
<b>Cuộn bảo vệ thấp áp</b> Under Vol. Trip (UVT)	UVT for ABN100c~ABH250c	1,160,000
	UVT for ABN403c~803c	1,380,000
	UVT for ABS1003b~1204b	1,820,000
	UVT for TS1000~1600	1,920,000
<b>Tiếp điểm phụ</b> Auxiliary switch (AX)	AX for ABN100c~ABH250c	365,000
	AX for ABN403c~803c	550,000
	AX for ABS1003b~1204b	575,000
	AX for TS1000~1600	480,000
<b>Tiếp điểm cảnh báo</b> Alarm switch (AL)	AL for ABN100c~ABH250c	365,000
	AL for ABN403c~803c	550,000
	AL for ABS1003b~1204b	575,000
	AL for TS1000~1600	480,000
<b>AL và AX</b>	AL/AX for ABN100c~ABH250c	770,000
<b>Tấm chắn pha:</b> Insulation barrier	IB-13 for ABN52~103c	11,000
	IB-23 for ABS103c~ABN/S203c	22,000
	B-43B for ABN/S403c	37,600
	Barrier insulation for ABS803c/TS630	41,800
	Barrier insulation for ABS1200b	47,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Cầu dao điện ELCB 4 cực loại khối chống rò điện			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
EBN104c	15-20-30-40-50-60-75-100A	18	4,100,000
EBS104c	15-20-30-40-50-60-75-100-125A	37	4,700,000
EBS204c	125-150-175-200-225-250A	37	9,500,000
EBN404c	250-300-350-400A	37	16,600,000

Phụ kiện cầu dao điện (MCCB)		
<b>Tay xoay</b> Handle (DH loại gắn trực tiếp)	DH100-S for ABN103c	670,000
	DH125-S for ABS125c	700,000
	DH250-S for ABH250c	710,000
	N~70S for ABN403c	1,450,000
	N~80S for ABN803c	1,450,000
<b>(EH loại gắn ngoài)</b>	EH100-S for ABN103c	990,000
	EH125-S for ABS125c	990,000
	EH250-S for ABN250c	1,030,000
	E-70U for ABN403c	2,200,000
	E-80U for ABN803c	2,540,000
<b>Mô tơ điều khiển</b> On/Off cho MCCB Motor operator (MOP)	MOP M1 for ABN52c~104c	6,300,000
	MOP M2 for ABS/H103c~104c	6,850,000
	MOP M3 for ABN/S/H202c~204c	8,500,000
	MOP M4 for ABN/S/H402c~404c	10,400,000
	MOP M5 for ABN/S/H802c~804c	12,500,000
	MOP M6 for ABS1003b~1204b	15,000,000
<b>Khoá liên động</b> (Mechanical interlock)	MI-13S for ABN53~103c	980,000
	MI-23S for ABS103c	1,000,000
	MI-33S for ABN/S203c	1,030,000
	MI-43S for ABN/S403c	1,430,000
	MI-83S for ABN/S803c	1,650,000
<b>Thanh cái</b>	Busbar for ABN/S803c	3,000,000

Cầu dao điện loại tép MCB (gắn trên thanh ray)			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
LA63N 1P	6-10-16-20-25-32A	6	115,000
LA63N 1P	40-50-63A	6	121,000
LA63N 2P	6-10-16-20-25-32A	6	254,000
LA63N 2P	40-50-63A	6	260,000
LA63N 3P	6-10-16-20-25-32A	6	406,000
LA63N 3P	40-50-63A	6	415,000
LA63N 4P	6-10-16-20-25-32A	6	590,000
LA63N 4P	40-50-63A	6	674,000
LA63H 1P	6-10-16-20-25-32A	10	166,000
LA63H 1P	40-50-63A	10	192,000
LA63H 2P	6-10-16-20-25-32A	10	360,000
LA63H 2P	40-50-63A	10	406,000
LA63H 3P	6-10-16-20-25-32A	10	576,000
LA63H 3P	40-50-63A	10	696,000
LA63H 4P	6-10-16-20-25-32A	10	850,000
LA63H 4P	40-50-63A	10	990,000
LA63L 1P	6-10-16-20-25-32A	25	210,000
LA63L 1P	40-50-63A	15	242,000
LA63L 2P	6-10-16-20-25-32A	25	506,000
LA63L 2P	40-50-63A	15	550,000
LA63L 3P	6-10-16-20-25-32A	25	730,000
LA63L 3P	40-50-63A	15	825,000
LA63L 4P	6-10-16-20-25-32A	25	1,160,000
LA63L 4P	40-50-63A	15	1,270,000
LA125H 1P	80-100A	10	320,000
LA125H 1P	125A	10	596,000
LA125H 2P	80-100A	10	686,000
LA125H 2P	125A	10	770,000
LA125H 3P	80-100A	10	1,090,000
LA125H 3P	125A	10	1,200,000
LA125H 4P	80-100A	10	1,410,000
LA125H 4P	125A	10	1,850,000

Phụ kiện MCB	
Tên hàng	Giá bán
Auxiliary switch: AX for LA/LC	300,000
Alarm switch: AL for LA/LC	300,000
Shunt for LA/LC	520,000
Auxiliary switch: AX for LB	354,000
Alarm switch: AL for LB	354,000
Shunt for LB	550,000

Cầu dao điện loại tép chống rò điện và quá tải RCBO			
Tên hàng	In (A)	Icn (kA)	Giá bán
LB63N 1P+N	3-6-10-16-20-25-32A	6	596,000
LB63N 1P+N	40-50-63A	6	638,000
LB40NN 1P+N	6-10-16-20-25-32A	6	1,080,000
LB40NN 1P+N	40A	6	1,160,000
LB50HW 1P+N	6-10-16-20-25-32A	10	1,260,000
LB50HW 1P+N	40-50A	10	1,260,000
LB63HW 3P+N	6-10-16-20-25-32A	10	5,500,000
LB63HW 3P+N	40-63A	10	5,500,000

Cầu dao điện loại tép chống rò điện RCCB (gắn thanh ray)			
Tên hàng	In (A)	Icn (KA)	Giá bán
LC63N 1P+N	16-25-32-40-50A	6KA	880,000
LC63N 1P+N	63A	6KA	910,000
LC63N 3P+N	16-25-32-40-50A	6KA	1,260,000
LC63N 3P+N	63A	6KA	1,380,000
LC100H 1P+N	16-25-32-40A	10KA	1,090,000
LC100H 1P+N	50-63A	10KA	1,180,000
LC100H 1P+N	80-100A	10KA	1,380,000
LC100H 3P+N	25-32-40A	10KA	1,550,000
LC100H 3P+N	50-63A	10KA	1,760,000
LC100H 3P+N	80-100A	10KA	2,090,000

Thiết bị chống sét (Surge protective device)			
Tên hàng	Uc [V] L/N-PE	Icu (KA)	Giá bán
BK05S-T3 2P	385V	10kV	1,750,000
BK05S-T3 4P	385V	10kV	3,440,000
BK10S-T2 2P	385V	20	1,920,000
BK10S-T2 3P	385V	20	2,200,000
BK10S-T2 4P	385V	20	3,750,000
BK20S-T2 2P	385V	40	2,160,000
BK20S-T2 3P	385V	40	2,520,000
BK20S-T2 4P	385V	40	5,200,000
BK30S-T2 2P	385V	60	2,520,000
BK30S-T2 3P	385V	60	3,100,000
BK30S-T2 4P	385V	60	5,650,000
BK40S-T2 1P	385V	80	2,300,000
BK40S-T2 2P	385V	80	2,760,000
BK40S-T2 3P	385V	80	4,400,000
BK40S-T2 4P	385V	80	6,800,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Khởi động từ "pha" f'ontactor" "polesŁ! '57 'cc]		
H.b\ { b[	÷ f5 Ł	; jz Vzb
MC-6a (1)	6A (1a)	420,000
MC-9a (1)	9A (1a)	440,000
MC-12a (1)	12A (1a)	460,000
MC-18a (1)	18A (1a)	700,000
MC-9b (2)	9A (1a1b)	460,000
MC-12b (2)	12A (1a1b)	520,000
MC-18b (2)	18A (1a1b)	740,000
MC-22b (2)	22A (1a1b)	910,000
MC-32a (2)	32A (2a2b)	1,320,000
MC-40a (2)	40A (2a2b)	1,580,000
MC-50a (3)	50A (2a2b)	2,060,000
MC-65a (3)	65A (2a2b)	2,320,000
MC-75a (4)	75A (2a2b)	2,640,000
MC-85a (4)	85A (2a2b)	3,140,000
MC-100a (4)	100A (2a2b)	4,140,000
MC-130a (5)	130A (2a2b)	5,000,000
MC-150a (5)	150A (2a2b)	6,400,000
MC-185a (6)	185A (2a2b)	7,940,000
MC-225a (6)	225A (2a2b)	9,520,000
MC-265a (7)	265A (2a2b)	12,900,000
MC-330a (7)	330A (2a2b)	14,000,000
MC-400a (7)	400A (2a2b)	16,400,000
MC-500a (8)	500A (2a2b)	32,200,000
MC-630a (8)	630A (2a2b)	33,600,000
MC-800a (8)	800A (2a2b)	43,200,000

Contactor relays		
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles AC	630,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles AC	750,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles AC	850,000
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles DC	710,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles DC	830,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles DC	970,000

Tiếp điểm phụ		
UA-1 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	136,000
UA-2 (bên trên)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	136,000
UA-4 (bên trên)	2NO+2NC dùng cho MC-6a~150a	230,000
AU-100 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-185a~800a	280,000

Khóa liên động		
UR-2	MC-6a~150a	280,000
AR-180	MC-185a~400a	980,000
AR-600	MC-500a~800a	14,400,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Fơ le nhiệt ! H Yfa U'cj Yf'cUX'f'Y'Ung		
H.b\ { b[	÷ f5 Ł	; jz Vzb
MT-12 (1)	0.63~18A	470,000
MT-32 (2)	0.63~19A	530,000
MT-32 (2)	21.5~40A	530,000
MT-63 (3)	34-50, 45-65A	1,020,000
MT-95 (4)	54-75, 63-85, 70-95, 80-100A	1,700,000
MT-150 (5)	80-105A, 95-130A, 110-150A	2,500,000
MT-225 (6)	85-125, 100-160, 120-185, 160-240A	4,100,000
MT-400 (7)	200-330A và 260-400A	5,840,000
MT-800 (8)	400-630A và 520-800A	11,000,000

Fơ le điện từ! '9`Ywf]Wa clcf' dfchVW]cb'f'Y'Ung		
GMP22-2P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	1,160,000
GMP22-3P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	1,740,000
GMP40-2P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,260,000
GMP40-3P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,740,000
GMP60-T (1c)	0.5~6A, 3~30A, 5~60A	1,080,000

- (1) MT-12 dùng cho từ MC-6a đến MC-18a gồm các loại từ:  
0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 7-10A; 9-13A;  
12-18A;
- (2) MT-32 dùng cho MC-9b đến MC-40a gồm các loại từ:  
0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 16-22A; 18-25A;  
22-32A; 28-40A;
- (3) MT-63 dùng cho từ MC-50a và MC-65a
- (4) MT-95 dùng cho từ MC-75a, MC-85a và MC-100a
- (5) MT-150 dùng cho MC-130a & MC-150a
- (6) MT-225 dùng cho MC-185a và MC-225a
- (7) MT-400 dùng cho MC-265a, MC-330a và MC-400a
- (8) MT-800 dùng cho MC-500a, MC-630a và MC-800a
- \* GMP22 dùng cho MC-9b~22b, GMP40 dùng cho MC32a-40a

Cuộn hút khởi động từ		
Coil for MC-6a, 9a, 12a, 18a, 9b, 12b, 18b, 22b		280,000
Coil for MC-32a, 40a		280,000
Coil for MC-50a, 65a		330,000
Coil for MC-75a, 85a, 100a		440,000
Coil for MC-130a, 150a		2,100,000
Coil for MC-185a, 225a		2,860,000
Coil for MC-330a, 400a		5,160,000
Coil for MC-630a, 800a		6,800,000

Hụ bù f' apacitor for' contactorŁ		
AC-9	MC-6a~40a	520,000
AC-50	MC-50a~65a	680,000
AC-75	MC-75a~100a	680,000

< ỘP cho khởi động từ f' bWcgYfŁ		
MW-9bB~22bB	Steel dùng cho MC-6a~22b	960,000

<b>ACB METASOL 3 cực loại cố định</b>			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
AN-06D3-06H AG6/AH6	630A	65	58,500,000
AN-08D3-08H AG6/AH6	800A	65	62,800,000
AN-10D3-10H AG6/AH6	1000A	65	64,500,000
AN-13D3-13H AG6/AH6	1250A	65	67,500,000
AN-16D3-16H AG6/AH6	1600A	65	71,800,000
AS-20E3-20H AG6/AH6	2000A	85	96,500,000
AS-25E3-25H AG6/AH6	2500A	85	135,000,000
AS-32E3-32H AG6/AH6	3200A	85	156,800,000
AS-40E3-40V AG6/AH6	4000A	85	261,000,000
AS-40F3-40H AG6/AH6	4000A	100	268,000,000
AS-50F3-50H AG6/AH6	5000A	100	275,000,000
AS-63G3-63H AG6/AH6	6300A	120	460,000,000

<b>Cầu dao điện ACB METASOL 4 cực loại cố định</b>			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
AN-06D4-06H AG6/AH6	630A	65	64,500,000
AN-08D4-08H AG6/AH6	800A	65	70,500,000
AN-10D4-10H AG6/AH6	1000A	65	72,800,000
AN-13D4-13H AG6/AH6	1250A	65	76,500,000
AN-16D4-16H AG6/AH6	1600A	65	84,000,000
AS-20E4-20H AG6/AH6	2000A	85	118,000,000
AS-25E4-25H AG6/AH6	2500A	85	158,000,000
AS-32E4-32H AG6/AH6	3200A	85	188,000,000
AS-40E4-40V AG6/AH6	4000A	85	316,000,000
AS-40F4-40H AG6/AH6	4000A	100	330,000,000
AS-50F4-50H AG6/AH6	5000A	100	342,000,000
AS-63G4-63H AG6/AH6	6300A	120	598,000,000

<b>PHỤ KIỆN ACB</b>		
Bộ bảo vệ thấp áp (UVT+UDC)	UVT coil UDC: UVT Controller	2,700,000 2,900,000
Cuộn mở (Shunt coil)	SHT for ACB	1,580,000
Cuộn đóng (Closing coil)	CC for ACB	1,960,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

<b>ACB METASOL 3 cực loại cố định - chưa có Motor, SHT, CC và UVT</b>			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
AN-06D3-06H NG5/NH5 without ACC	630A	65	40,000,000
AN-08D3-08H NG5/NH5 without ACC	800A	65	46,500,000
AN-10D3-10H NG5/NH5 without ACC	1000A	65	48,000,000
AN-13D3-13H NG5/NH5 without ACC	1250A	65	51,600,000
AN-16D3-16H NG5/NH5 without ACC	1600A	65	58,500,000
AS-20E3-20H NG5/NH5 without ACC	2000A	85	80,500,000
AS-25E3-25H NG5/NH5 without ACC	2500A	85	118,000,000
AS-32E3-32H NG5/NH5 without ACC	3200A	85	138,000,000
AS-40E3-40V NG5/NH5 without ACC	4000A	85	249,000,000
AS-40F3-40H NG5/NH5 without ACC	4000A	100	255,000,000
AS-50F3-50H NG5/NH5 without ACC	5000A	100	258,000,000
AS-63G3-63H NG5/NH5 without ACC	6300A	120	438,000,000

<b>ACB METASOL 4 cực loại cố định - chưa có Motor, SHT, CC và UVT</b>			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
AN-06D4-06H NG5/NH5 without ACC	630A	65	49,500,000
AN-08D4-08H NG5/NH5 without ACC	800A	65	56,000,000
AN-10D4-10H NG5/NH5 without ACC	1000A	65	58,000,000
AN-13D4-13H NG5/NH5 without ACC	1250A	65	61,000,000
AN-16D4-16H NG5/NH5 without ACC	1600A	65	67,500,000
AS-20E4-20H NG5/NH5 without ACC	2000A	85	100,800,000
AS-25E4-25H NG5/NH5 without ACC	2500A	85	142,000,000
AS-32E4-32H NG5/NH5 without ACC	3200A	85	171,000,000
AS-40E4-40V NG5/NH5 without ACC	4000A	85	299,000,000
AS-40F4-40H NG5/NH5 without ACC	4000A	100	318,000,000
AS-50F4-50H NG5/NH5 without ACC	5000A	100	329,000,000
AS-63G4-63H NG5/NH5 without ACC	6300A	120	576,000,000

<b>PHỤ KIỆN ACB</b>		
Khóa liên động (Mechanical Interlock)	2-way (2 ACB)	12,000,000
	3-way (3 ACB)	22,000,000
Tấm chắn pha	IB ACB 630A~6300A	600,000
Mô tơ nạp	Motor	7,200,000

**🔪 Cầu dao điện ACB SKD METASOL (Assembly in Viet Nam)**

ACB SKD METASOL 3 cực loại cố định			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
AN-06D3-06H/AH6	630A	65	56,500,000
AN-08D3-08H/AH6	800A	65	60,500,000
AN-10D3-10H/AH6	1000A	65	62,000,000
AN-13D3-13H/AH6	1250A	65	65,000,000
AN-16D3-16H/AH6	1600A	65	69,000,000
AS-20E3-20H/AH6	2000A	85	93,000,000
AS-25E3-25H/AH6	2500A	85	130,000,000

ACB SKD METASOL 4 cực loại cố định			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
AN-06D4-06H/AH6	630A	65	62,500,000
AN-08D4-08H/AH6	800A	65	68,000,000
AN-10D4-10H/AH6	1000A	65	70,000,000
AN-13D4-13H/AH6	1250A	65	73,500,000
AN-16D4-16H/AH6	1600A	65	81,000,000
AS-20E4-20H/AH6	2000A	85	113,500,000
AS-25E4-25H/AH6	2500A	85	152,500,000

ACB SKD METASOL 3 cực loại cố định - chưa có Motor, SHT, CC và UVT			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
AN-06D3-06H/NH5 without ACC	630A	65	39,000,000
AN-08D3-08H/NH5 without ACC	800A	65	45,000,000
AN-10D3-10H/NH5 without ACC	1000A	65	46,500,000
AN-13D3-13H/NH5 without ACC	1250A	65	50,000,000
AN-16D3-16H/NH5 without ACC	1600A	65	56,500,000
AS-20E3-20H/NH5 without ACC	2000A	85	77,500,000
AS-25E3-25H/NH5 without ACC	2500A	85	113,500,000

ACB SKD METASOL 4 cực loại cố định - chưa có Motor, SHT, CC và UVT			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
AN-06D4-06H/NH5 without ACC	630A	65	47,500,000
AN-08D4-08H/NH5 without ACC	800A	65	54,000,000
AN-10D4-10H/NH5 without ACC	1000A	65	56,000,000
AN-13D4-13H/NH5 without ACC	1250A	65	58,500,000
AN-16D4-16H/NH5 without ACC	1600A	65	65,000,000
AS-20E4-20H/NH5 without ACC	2000A	85	98,000,000
AS-25E4-25H/NH5 without ACC	2500A	85	136,000,000

**🔪 Cầu dao điện ACB METASOL Draw-out**

ACB METASOL 3 cực (Draw-out)			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
AN-06D3-06A/AH6	630A	65	74,200,000
AN-08D3-08A/AH6	800A	65	78,600,000
AN-10D3-10A/AH6	1000A	65	80,000,000
AN-13D3-13A/AH6	1250A	65	82,000,000
AN-16D3-16A/AH6	1600A	65	92,500,000
AS-20E3-20A/AH6	2000A	85	120,000,000
AS-25E3-25A/AH6	2500A	85	154,000,000
AS-32E3-32A/AH6	3200A	85	188,000,000
AS-40E3-40A/AH6	4000A	85	292,000,000
AS-40F3-40A/AH6	4000A	100	305,000,000
AS-50F3-50A/AH6	5000A	100	330,000,000
AS-63G3-63A/AH6	6300A	120	496,000,000

ACB METASOL 4 cực (Draw-out)			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
AN-06D4-06A/AH6	630A	65	82,000,000
AN-08D4-08A/AH6	800A	65	88,000,000
AN-10D4-10A/AH6	1000A	65	89,000,000
AN-13D4-13A/AH6	1250A	65	92,500,000
AN-16D4-16A/AH6	1600A	65	100,000,000
AS-20E4-20A/AH6	2000A	85	145,000,000
AS-25E4-25A/AH6	2500A	85	179,000,000
AS-32E4-32A/AH6	3200A	85	228,000,000
AS-40E4-40A/AH6	4000A	85	355,000,000
AS-40F4-40A/AH6	4000A	100	360,000,000
AS-50F4-50A/AH6	5000A	100	365,000,000
AS-63G4-63A/AH6	6300A	120	655,000,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

**MCCB loại High-End, Susol Series Icu từ 50kA-150kA, Ics=100% Icu**

Cầu dao điện Susol MCCB (APTOMAT) loại 3 cực			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
<b>FTU: loại không chỉnh dòng</b>			
TD100N FTU100 3P	16-20-25-32-40-50-63-80-100A	50	2,860,000
TD160N FTU160 3P	125A	50	3,400,000
TD160N FTU160 3P	160A	50	4,100,000
TS100N FTU100 3P	40-50-63-80-100A	50	2,860,000
TS160N FTU160 3P	100-125A	50	3,960,000
TS160N FTU160 3P	160A	50	4,400,000
TS250N FTU250 3P	125-160-200A	50	5,750,000
TS250N FTU250 3P	250A	50	6,850,000
TS400N FTU400 3P	300-400A	65	9,800,000
TS630N FTU630 3P	500-630A	65	14,200,000
TS800N FTU800 3P	800A	65	17,800,000
<b>FMU: loại chỉnh dòng (nhiệt) 3 bước 0.8, 0.9, 1.0 x In</b>			
TD100N FMU100 3P	16-20-25-32-40-50-63-80-100A	50	3,100,000
TD160N FMU160 3P	125A	50	3,800,000
TD160N FMU160 3P	160A	50	4,250,000
TS100N FMU100 3P	40-50-63-80-100A	50	3,100,000
TS160N FMU160 3P	100,125A	50	4,150,000
TS160N FMU160 3P	160A	50	4,650,000
TS250N FMU250 3P	125-160-200A	50	5,750,000
TS250N FMU250 3P	250A	50	7,200,000
TS400N FMU400 3P	300-400A	65	10,700,000
TS630N FMU630 3P	500-630A	65	16,000,000
TS800N FMU800 3P	800A	65	19,600,000
<b>ATU: loại chỉnh dòng cắt (nhiệt) và dòng ngắn mạch (từ)</b>			
TS160N ATU160 3P	125A	50	4,500,000
TS160N ATU160 3P	160A	50	4,900,000
TS250N ATU250 3P	200A	50	6,250,000
TS250N ATU250 3P	250A	50	7,700,000
TS400N ATU400 3P	400A	65	11,600,000
TS630N ATU630 3P	630A	65	16,800,000
TS800N ATU800 3P	800A	65	21,600,000
<b>Phụ kiện MCCB Susol</b>			
<b>Tên hàng</b>		<b>Giá bán</b>	
Shunt release: SHT for TD/TS100->800		910,000	
Undervoltage release: UVT for TD/TS100->800		1,440,000	
Auxiliary switch: AX for TD/TS100->800		440,000	
Alarm switch: AL for TD/TS100->800		440,000	
Fault alarm switch: FAL for TD/TS100->800		440,000	
Auxiliary switch: AX for TS1000~1600		480,000	
Alarm switch: AL for TS1000~1600		480,000	
<b>Direct rotary handle (tay xoay)</b>			
DH1 for TD100, 160		760,000	
DH2 for TS250		820,000	
DH3 for TS400, 630		1,500,000	
DH4 for TS800		2,100,000	
DH5-S for TS1000~1600		6,300,000	

Cầu dao điện Susol MCCB (APTOMAT) loại 4 cực			
Tên hàng	In (A)	Icu (kA)	Giá bán
<b>FTU: loại không chỉnh dòng</b>			
TD100N FTU100 4P	16-20-25-32-40-50-63-80-100A	50	3,360,000
TD160N FTU160 4P	125A	50	4,200,000
TD160N FTU160 4P	160A	50	5,500,000
TS100N FTU100 4P	40-50-63-80-100A	50	4,000,000
TS160N FTU160 4P	100-125A	50	5,500,000
TS160N FTU160 4P	160A	50	6,250,000
TS250N FTU250 4P	125-160-200A	50	7,700,000
TS250N FTU250 4P	250A	50	9,100,000
TS400N FTU400 4P	300-400A	65	12,600,000
TS630N FTU630 4P	500-630A	65	15,400,000
TS800N FTU800 4P	800A	65	22,200,000
<b>FMU: loại chỉnh dòng (nhiệt) 3 bước 0.8, 0.9, 1.0 x In</b>			
TD100N FMU100 4P	16-20-25-32-40-50-63-80-100A	50	3,550,000
TD160N FMU160 4P	125A	50	5,500,000
TD160N FMU160 4P	160A	50	6,400,000
TS100N FMU100 4P	40-50-63-80-100A	50	4,500,000
TS160N FMU160 4P	100-125A	50	5,600,000
TS160N FMU160 4P	160A	50	6,500,000
TS250N FMU250 4P	125-160-200A	50	8,200,000
TS250N FMU250 4P	250A	50	9,600,000
TS400N FMU400 4P	300-400A	65	13,600,000
TS630N FMU630 4P	500-630A	65	20,500,000
TS800N FMU800 4P	800A	65	26,000,000
<b>ETS: loại chỉnh dòng chip relay điện tử 13 bước từ 0.4 -&gt;1 x In</b>			
TS100N ETS23 3P	80A	50	5,000,000
TS160N ETS23 3P	40-80-160A	50	6,200,000
TS250N ETS23 3P	250A	50	8,500,000
TS400N ETS33 3P	400A	65	13,000,000
TS630N ETS33 3P	630A	65	19,800,000
TS800N ETS43 3P	800A	65	22,800,000

Busbar (thanh cái)	
Spreader SP33a for TS400-TS630	1,320,000
Spreader SP43 for TS800	2,550,000
Busbar for 3P TS1000/1250/1600N	13,200,000
Motor operator (mô tơ nạp)	
MOP1 for TD100, 160	6,200,000
MOP2 for TS100, 160, 250	8,400,000
MOP3 for TS400, 630	11,400,000
MOP4 for TS800	13,600,000
Extended rotary handle (tay xoay)	
EH1 for TD100, 160	1,320,000
EH2 for TS250	1,380,000
EH3 for TS400, 630	2,950,000
EH4 for TS800	3,050,000
EH5-S for TS1000~1600	7,200,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Manual motor starter		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MMS-32S	0.63A (0.4~0.63)A	920,000
MMS-32S	1.0A (0.63~1.0)A	920,000
MMS-32S	1.6A (1.0~1.6)A	920,000
MMS-32S	2.5A (1.6~2.5)A	920,000
MMS-32S	4A (2.5~4)A	920,000
MMS-32S	6A (4~6)A	920,000
MMS-32S	8A (5~8)A	920,000
MMS-32S	10A (6~10)A	920,000
MMS-32S	13A (9~13)A	960,000
MMS-32S	17A (11~17)A	960,000
MMS-32S	22A (14~22)A	960,000
MMS-32S	26A (18~26)A	960,000
MMS-32S	32A (22~32)A	960,000
MMS-63S	40A (28~40)A	2,600,000
MMS-63S	50A (34~50)A	2,600,000
MMS-63S	63A (45~63)A	2,600,000
MMS-100S	75A (55~75)A	4,400,000
MMS-100S	90A (70~90)A	4,900,000

Phụ kiện MMS	
Tiếp điểm phụ (gắn bên trên): FX 1NO+1NC	240,000
Tiếp điểm phụ (gắn bên hông): LX 1NO+1NC	270,000
Any Trip Alarm Switch: LA 1NO+1NC	350,000
Magnetic Trip Alarm Switch: LAM 1NO+1NC	370,000

Khởi động từ 3 cực loại DC coil (DC volt)		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MC-6a (VDC)	6A (1a)	550,000
MC-9a (VDC)	9A (1a)	610,000
MC-12a (VDC)	12A (1a)	730,000
MC-18a (VDC)	18A (1a)	900,000
MC-9b (VDC)	9A (1a1b)	720,000
MC-12b (VDC)	12A (1a1b)	830,000
MC-18b (VDC)	18A (1a1b)	1,150,000
MC-22b (VDC)	22A (1a1b)	1,280,000
MC-32a (VDC)	32A (1a1b)	1,540,000
MC-40a (VDC)	40A (1a1b)	1,780,000
MC-50a (VDC)	50A (1a1b)	2,420,000
MC-65a (VDC)	65A (1a1b)	3,000,000
MC-75a (VDC)	75A (1a1b)	3,920,000
MC-85a (VDC)	85A (1a1b)	4,800,000
MC-100a (VDC)	100A (1a1b)	4,840,000
MC-150a (VDC)	150A (1a1b)	7,200,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT


Rơ le bảo vệ kỹ thuật số (Digital protection relay)		
Tên hàng	Thông số	Giá bán
Đồng hồ điện đa năng kỹ thuật số (Digital power multimeter)		
GIMAC-1000 EX, M485, 5A, 50Hz, AC/DC100~240V		11,000,000
GIMAC-1000 NO, M485, 5A, 50Hz, AC/DC100~240V		10,500,000

Thiết bị điều khiển và đo lường đa năng kỹ thuật số (Digital integrated multi-metering & Control device)		
GIMAC-115P NO, RS, M, 5A, 50Hz, AC/DC110V		25,600,000


Rơ le điện tử - Electric motor protection relay		
Tên hàng	Thông số	Giá bán
GMP22-2P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	1,160,000
GMP22-3P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	1,740,000
GMP40-2P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,260,000
GMP40-3P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,740,000
GMP60-T (1c)	0.5~6A, 3~30A, 5~60A	1,080,000

Rơ le kỹ thuật số - Digital motor protection relay		
Tên hàng	Thông số	Giá bán
DMP06i-SA 2a1b AC/DC85~260V	0.5~6A	6,200,000
DMP06i-TZ 2a1b AC/DC85~260V	0.5~6A	6,400,000
DMP06i-TZA 2a1b AC/DC85~260V	0.5~6A	7,000,000
DMP65i-S 2a1b AC/DC85~260V	5~65A	5,800,000
DMP65i-TA 2a1b AC/DC85~260V	5~65A	6,000,000
DMP65i-TZ 2a1b AC/DC85~260V	5~65A	6,400,000
DMP65i-TZA 2a1b AC/DC85~260V	5~65A	7,000,000

Khởi động từ 4 AC (Metasol)			
Tên hàng	Tiếp điểm phụ	In (A)	Giá bán
MC-9a/4		9A	610,000
MC-12a/4		12A	640,000
MC-18a/4		18A	880,000
MC-22a/4		22A	1,010,000
MC-32a/4		32A	1,530,000
MC-40a/4		40A	1,650,000
MC-50a/4		50A	2,500,000
MC-65a/4		65A	3,000,000
MC-75a/4		75A	3,900,000
MC-85a/4		85A	4,150,000
MC-100a/4	(2a2b)	100A	7,900,000
MC-130a/4	(2a2b)	130A	8,520,000
MC-150a/4	(2a2b)	150A	9,920,000
MC-185a/4	(2a2b)	185A	11,100,000
MC-225a/4	(2a2b)	225A	12,600,000
MC-265a/4	(2a2b)	265A	20,200,000
MC-330a/4	(2a2b)	330A	23,200,000
MC-400a/4	(2a2b)	400A	25,600,000
MC-500a/4	(2a2b)	500A	39,800,000
MC-630a/4	(2a2b)	630A	52,800,000
MC-800a/4	(2a2b)	800A	58,400,000

Tên hàng	kW	HP	In (A)		Mô tả	Giá bán	
<b>3Ø 200V Class 0.4~7.5KW * Non-Filter Type</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>			
LSLV0004G100-2EONN	0.4kW	0.5HP	2.5A	3.1A	<b>BIẾN TẦN ĐA NĂNG</b> Sử dụng trong tất cả các ngành công nghiệp bao gồm gia công kim loại, máy đúc, thiết bị thủy lực/ điều hòa không khí, thực phẩm và đồ uống/ máy dệt, thang máy/ băng tải và xử lý môi trường nước. <ul style="list-style-type: none"> <li>Máy cắt/ uốn/ đánh bóng</li> <li>Quạt/ Bơm</li> <li>Máy ép/ băng tải</li> <li>Máy hút bụi/ tủ đông</li> <li>Máy nén/ thổi</li> <li>Cầu trục (Nâng hạ, xe con, xe cầu)</li> </ul>	4,050,000	
LSLV0008G100-2EONN	0.75kW	1HP	5A	6A		4,400,000	
LSLV0015G100-2EONN	1.5kW	2HP	8A	9.6A		5,050,000	
LSLV0022G100-2EONN	2.2kW	3HP	11A	12A		5,950,000	
LSLV0040G100-2EONN	4kW	5HP	17A	18A		6,700,000	
LSLV0055G100-2EONN	5.5kW	7.5HP	24A	30A		9,950,000	
LSLV0075G100-2EONN	7.5kW	10HP	32A	40A		11,150,000	
LSLV0110G100-2EONN	11kW	15HP	47A	56A		20,800,000	
LSLV0150G100-2EONN	15kW	20HP	60A	70A		23,900,000	
LSLV0185G100-2EONN	18.5kW	25HP	75A	82A		27,600,000	
LSLV0220G100-2EONN	22kW	30HP	88A			32,600,000	
<b>3Ø 400V Class 0.4~7.5KW * Non-Filter Type</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>			
LSLV0004G100-4EONN	0.4kW	0.5HP	1.3A	2A		*HD (Heavy Duty): Tải nặng 150% dòng định mức/1 phút **ND (Normal Duty): Tải nhẹ 120% dòng định mức/1 phút 	4,340,000
LSLV0008G100-4EONN	0.75kW	1HP	2.5A	3.1A	4,600,000		
LSLV0015G100-4EONN	1.5kW	2HP	4A	5.1A	5,050,000		
LSLV0022G100-4EONN	2.2kW	3HP	5.5A	6.9A	5,700,000		
LSLV0040G100-4EONN	4kW	5HP	9A	10A	6,750,000		
LSLV0055G100-4EONN	5.5kW	7.5HP	12A	16A	9,550,000		
LSLV0075G100-4EONN	7.5kW	10HP	16A	23A	10,500,000		
LSLV0110G100-4EONN	11kW	15HP	47A	56A	18,300,000		
LSLV0150G100-4EONN	15kW	20HP	60A	70A	20,000,000		
LSLV0185G100-4EONN	18.5kW	25HP	75A	82A	23,700,000		
LSLV0220G100-4EONN	22kW	30HP	88A		25,800,000		
<b>3Ø 400V Class 0.4~7.5KW * Built-in Filter (C3)</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>			
LSLV0004G100-4EOFN	0.4kW	0.5HP	1.3A	2A	 <p><b>User-friendly Design</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Built-in Potentiometer</b>: Easy operation with built-in potentiometer</li> <li><b>Smart Copier</b>: Copy parameter (Read/Write) and download firmware without supplying power to drive</li> <li><b>Remote keypad</b>: Copy parameter (Read/Write) using remote keypad</li> </ul>		4,600,000
LSLV0008G100-4EOFN	0.75kW	1HP	2.5A	3.1A		4,900,000	
LSLV0015G100-4EOFN	1.5kW	2HP	4A	5.1A		5,300,000	
LSLV0022G100-4EOFN	2.2kW	3HP	5.5A	6.9A		6,000,000	
LSLV0040G100-4EOFN	4kW	5HP	9A	10A		7,150,000	
LSLV0055G100-4EOFN	5.5kW	7.5HP	12A	16A		10,100,000	
LSLV0075G100-4EOFN	7.5kW	10HP	16A	23A		11,000,000	
LSLV0110G100-4EOFN	11kW	15HP	47A	56A		19,100,000	
LSLV0150G100-4EOFN	15kW	20HP	60A	70A		20,500,000	
LSLV0185G100-4EOFN	18.5kW	25HP	75A	82A		24,400,000	
LSLV0220G100-4EOFN	22kW	30HP	88A			26,500,000	
<b>LOADER REMOTE 2M (LSLV-G100), A2MT-G100</b>						1,000,000	

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	kW	HP	In (A)		Mô tả	Giá bán
<b>Loại 3 pha 380~480VAC</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	<b>: V/f, V/f PG, sensorless vector, sensored vector, CT/VT dual ratings, built-in RS485 (LS Bus / Modbus RTU)</b>	
SV0008IS7-2NO	0.75kW	1HP	5A	8A	<p><b>BIẾN TẦN HIỆU SUẤT CAO</b></p> <p>IS7 là một biến tần với hiệu suất và độ tin cậy cao có thể áp dụng cho mọi môi trường làm việc. Mục đích sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Máy dầm, máy cán, máy kéo</li> <li>Dây chuyền lắp ráp lốp xe</li> <li>Thang máy, cần trục, cầu trục</li> <li>Thiết bị đỗ xe, kho hàng tự động</li> <li>Máy ép, máy rửa, máy khử nước, máy nén...</li> </ul> <p>3 pha, 200~230 VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng</p>	10,200,000
SV0015IS7-2NO	1.5kW	2HP	8A	12A		10,640,000
SV0022IS7-2NO	2.2kW	3HP	12A	16A		11,320,000
SV0037IS7-2NO	3.7kW	5HP	16A	24A		11,650,000
SV0055IS7-2NO	5.5kW	7.5HP	24A	32A		13,200,000
SV0075IS7-2NO	7.5kW	10HP	32A	46A		14,500,000
SV0110IS7-2NO	11kW	15HP	46A	60A		22,900,000
SV0150IS7-2NO	15kW	20HP	60A	74A		25,600,000
SV0185IS7-2NO	18.5kW	25HP	74A	88A		34,400,000
SV0220IS7-2NO	22kW	30HP	88A	124A		39,000,000
SV0300IS7-2SO	30kW	40HP	116A	146A		58,200,000
SV0370IS7-2SO	37kW	50HP	146A	180A		67,800,000
SV0450IS7-2SO	45kW	60HP	180A	220A		76,500,000
SV0550IS7-2SO	55kW	75HP	220A	288A		101,500,000
SV0750IS7-2SO	75kW	100HP	288A	345A	112,700,000	
<b>Loại 3 pha 380~480VAC</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	<b>Built-in RS485 (LS Bus / Modbus RTU) / Ứng dụng cho các tải nặng như băng tải, máy khuấy, máy nén..., N: Chưa có màn hình, D: Tích hợp DC Reactor, Từ 0.75-22Kw tích hợp DBU</b>	
SV0008IS7-4NO	0.75kW	1HP	2.5A	4A	 <p>3 pha, 380~480 VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng</p>	9,900,000
SV0015IS7-4NO	1.5kW	2HP	4A	6A		10,300,000
SV0022IS7-4NO	2.2kW	3HP	6A	8A		10,900,000
SV0037IS7-4NO	3.7kW	5HP	8A	12A		11,100,000
SV0055IS7-4NO	5.5kW	7.5HP	12A	16A		12,700,000
SV0075IS7-4NO	7.5kW	10HP	16A	24A		13,800,000
SV0110IS7-4NO	11kW	15HP	24A	30A		21,300,000
SV0150IS7-4NO	15kW	20HP	30A	39A		23,600,000
SV0185IS7-4NO	18.5kW	25HP	39A	45A		29,200,000
SV0220IS7-4NO	22kW	30HP	45A	61A		33,100,000
SV0300IS7-4NO	30kW	40HP	62A	75A		49,300,000
SV0370IS7-4NO	37kW	50HP	75A	91A		53,600,000
SV0450IS7-4NO	45kW	60HP	92A	110A		63,400,000


Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

**BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC**  
(Áp dụng từ 15.05.2025)



Tên hàng	kW	HP	In (A)		Mô tả	Giá bán
SV0550IS7-4NO	55kW	75HP	111A	152A	3 pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng, bộ lọc EMC, cuộn kháng DC	70,100,000
SV0750IS7-4NO	75kW	100HP	152A	183A		83,300,000
SV0008IS7-4NOFD	0.75kW	1HP	2.5A	4A		12,200,000
SV0015IS7-4NOFD	1.5kW	2HP	4A	6A		12,900,000
SV0022IS7-4NOFD	2.2kW	3HP	6A	8A		13,500,000
SV0037IS7-4NOFD	3.7kW	5HP	8A	12A		13,900,000
SV0055IS7-4NOFD	5.5kW	7.5HP	12A	16A		16,000,000
SV0075IS7-4NOFD	7.5kW	10HP	16A	24A		17,300,000
SV0110IS7-4NOFD	11kW	15HP	24A	30A		26,800,000
SV0150IS7-4NOFD	15kW	20HP	30A	39A		31,200,000
SV0185IS7-4NOFD	18.5kW	25HP	39A	45A		37,800,000
SV0220IS7-4NOFD	22kW	30HP	45A	61A		42,700,000
SV0300IS7-4NOD	30kW	40HP	65A	75A		3 pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC
SV0370IS7-4NOD	37kW	50HP	75A	91A	61,000,000	
SV0450IS7-4NOD	45kW	60HP	91A	110A	72,100,000	
SV0550IS7-4NOD	55kW	75HP	110A	152A	80,700,000	
SV0750IS7-4NOD	75kW	100HP	152A	183A	91,500,000	
SV0900IS7-4SOD	90kW	125HP	183A	223A	3 pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC, bàn phím	139,800,000
SV1100IS7-4SOD	110kW	150HP	223A	264A		148,500,000
SV1320IS7-4SOD	132kW	175HP	264A	325A		164,500,000
SV1600IS7-4SOD	160kW	215HP	325A	370A		211,900,000
SV1850IS7-4SOD	185kW	250HP	370A	432A		287,200,000
SV2200IS7-4SOD	220kW	300HP	432A	547A		302,300,000
SV2800IS7-4SO	285kW	350HP	547A	613A		523,200,000
SV3150IS7-4SO	315kW	400HP	613A	731A	3 pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, bàn phím	641,500,000
SV3750IS7-4SO	375kW	500HP	731A	877A		689,700,000
SV-IS7 LCD Key pad					Bảng điều khiển màn hình màu dùng cho iS7 (đa ngôn ngữ: English, Italian, Spanish, Russian, Turkish)	1,420,000
Remote cable 2m (for IS7)					Cáp kết nối bảng điều khiển và biến tần iS7 loại 2 mét	390,000
Remote cable 3m (for IS7)					Cáp kết nối bảng điều khiển và biến tần iS7 loại 3 mét	420,000
OPTION PROFIBUS-DP, SV-IS7						4,100,000
OPTION EXTENSION I/O, SV-IS7						3,080,000
ENCODER OPTION, SV-IS7						1,450,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT



Biến tần cho quạt và bơm: Loại 3 pha 220~230VAC - IP20				ND	V/f, RS485 (LS Bus / Modbus RTU / BACnet / Metasys N2), Pulse train I/O, RTC (Real Time Clock), đã có màn hình (HAND/OFF/AU-TO), USB Port/ Ứng dụng chuyên cho hệ HVAC, Bơm, Quạt,...	
LSLV0055H100-2CONN	5.5kW	7.5HP		22A	<b>BIẾN TẦN CHO QUẠT VÀ BƠM</b> Dùng trong các ngành công nghiệp: xây dựng, kim loại, bột giấy/giấy, mỏ than, xử lý dầu khí và nước; (quạt/ bơm, máy sấy)	11,000,000
LSLV0075H100-2CONN	7.5kW	10HP		30A		12,500,000
LSLV0110H100-2CONN	11kW	15HP		42A		15,000,000
LSLV0150H100-2CONN	15kW	20HP		59A		19,000,000
LSLV0185H100-2CONN	18.5kW	25HP		69A		25,000,000
Biến tần cho quạt và bơm: Loại 3 pha 380~480VAC - IP20, IP00				ND		
LSLV0055H100-4COFN	5.5kW	7.5HP		12A	 Built-in Dynamic braking transistor, EMC Filter (C3)	10,500,000
LSLV0075H100-4COFN	7.5kW	10HP		16A		12,000,000
LSLV0110H100-4COFN	11kW	15HP		24A		14,000,000
LSLV0150H100-4COFN	15kW	20HP		30A		18,400,000
LSLV0185H100-4COFN	18.5kW	25HP		38A		22,000,000
LSLV0220H100-4COFN	22kW	30HP		45A		28,000,000
LSLV0300H100-4COFN	30kW	40HP		61A		32,800,000
LSLV0370H100-4COND	37kW	50HP		75A		42,000,000
LSLV0450H100-4COND	45kW	60HP		91A		50,500,000
LSLV0550H100-4COND	55kW	75HP		107A		59,000,000
LSLV0370H100-4COFD	37kW	50HP		75A	3 pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, IP20, built-in DC Reactor	47,000,000
LSLV0450H100-4COFD	45kW	60HP		91A		56,000,000
LSLV0550H100-4COFD	55kW	75HP		107A		65,000,000
LSLV0750H100-4COFD	75kW	100HP		142A		67,000,000
LSLV0900H100-4COFD	90kW	125HP		169A		80,000,000
LSLV1100H100-4COFD	110kW	150HP		223A	3 pha, 380~500VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, IP20, built-in EMC Filter (C3), DC Reactor	118,000,000
LSLV1320H100-4COFD	132kW	200HP		264A		123,000,000
LSLV1600H100-4COFD	160kW	250HP		325A		142,000,000
LSLV1850H100-4COFD	185kW	300HP		370A		163,000,000
LSLV2200H100-4COFD	220kW	350HP		432A		192,000,000
LSLV2500H100-4COFD	250kW	400HP		481A	3 pha, 380~500VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, IP00, built-in EMC Filter (C3), DC Reactor	217,000,000
LSLV3150H100-4COFD	315kW	500HP		613A		475,000,000
LSLV3550H100-4COFD	355kW	550HP		683A		534,000,000
LSLV4000H100-4COFD	400kW	650HP		770A		590,000,000
LSLV5000H100-4COFD	500kW	800HP		962A		650,000,000

**- GHI CHÚ:**

\*\* HD (Heavy Duty): Overload 150% 1 min.

\*\* ND (Normal Duty): Overload 110% or 120% 1 min.

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	kW	HP	Overload capacity	Output (A)	Mô tả	Giá bán	
<b>Loại 1 pha 200~240VAC - IP20</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	<b>: V/f, fixed keypad, EMC filter (C2)</b>		
LSLV0001M100-1EOFNS	0.1kW	1/8HP	0.8A	-	<b>BIẾN TẦN MICRO:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng cho các máy móc, quạt/ bơm và băng tải nhỏ</li> <li>Lắp đặt trên thanh Din Rail</li> </ul> 	2,850,000	
LSLV0002M100-1EOFNS	0.2kW	1/4HP	1.4A	-		2,950,000	
LSLV0004M100-1EOFNS	0.4kW	1/2HP	2.4A	-		3,150,000	
LSLV0008M100-1EOFNS	0.75kW	1HP	4.2A	-		3,300,000	
LSLV0015M100-1EOFNS	1.5kW	2HP	7.5A	-		3,950,000	
LSLV0022M100-1EOFNS	2.2kW	3HP	10A	-		4,350,000	
LSLV0001M100-1EOFNA	0.1kW	1/8HP	0.8A	-		3,100,000	
LSLV0002M100-1EOFNA	0.2kW	1/4HP	1.4A	-		3,200,000	
LSLV0004M100-1EOFNA	0.4kW	1/2HP	2.4A	-		3,400,000	
LSLV0008M100-1EOFNA	0.75kW	1HP	4.2A	-		3,600,000	
LSLV0015M100-1EOFNA	1.5kW	2HP	7.5A	-		4,300,000	
LSLV0022M100-1EOFNA	2.2kW	3HP	10A	-		4,650,000	
<b>L100 series for Elevator Application:</b>						<b>BIẾN TẦN THANG MÁY:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khả dụng cho nhiều loại tải khác nhau (Thang khách, thang hàng, thang máy đồ xe,...)</li> <li>Có thể điều khiển động cơ IM hoặc động cơ PM, có hộp số hay không có hộp số</li> <li>Điều khiển vector vòng hở và vector vòng kín cho động cơ IM hoặc PM tiêu chuẩn (với Incremental encoder, SIN/COS encoder, Endat encoder)</li> <li>Kích thước nhỏ gọn cho phép lắp đặt không phòng máy</li> </ul> 	
LSLV0055L100-4NNFN	5.5kW	7.5	150% for 1 min.	12			Call
LSLV0075L100-4NNFN	7.5kW	10	150% for 1 min.	16	Call		
LSLV0110L100-4NNFN	11kW	15	150% for 1 min.	24	Call		
LSLV0150L100-4NNFN	15kW	20	150% for 1 min.	30	Call		
LSLV0185L100-4NNFN	18.5kW	25	150% for 1 min.	39	Call		
LSLV0220L100-4NNFN	22kW	30	150% for 1 min.	45	Call		
ENCODER(LSLV-L100), XENC-L100					Call		
SIN/COS ENCODER(LSLV-L100), XSIN-L100					Call		
SIN/COS_ENDAT ENCODER(LSLV-L100), XEDT-100					Call		
ELEVATOR I/O(LSLV-L100), XELV-L100					Call		
REMOTE 2M(LSLV-L100), A2MT-L100					Call		
REMOTE 3M(LSLV-L100), A3MT-L100					Call		
REMOTE 5M(LSLV-L100), A5MT-L100					Call		
RS232 CABLE 2M(LSLV-L100), S2MT-L100					Call		

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	Mô tả	Giá bán
<b>Dynamic Braking Unit (DBU) Bộ Transistor để gắn Điện trở xả vào</b>		
<b>Dynamic Braking Unit (DBU) - 200~230V</b>		
LSLV 0150DBU-2LN	Brake unit for 15kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	4,200,000
LSLV 0220DBU-2LN	Brake unit for 22kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	4,850,000
LSLV 0370DBU-2LN	Brake unit for 37kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	5,850,000
LSLV 0370DBU-2HN	Brake unit for 37kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	13,392,000
LSLV 0750DBU-2LN	Brake unit for 75kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	8,100,000
LSLV 0750DBU-2HN	Brake unit for 75kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	20,000,000
LSLV 0900DBU-2HN	Brake unit for 90kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	22,150,000
<b>Dynamic Braking Unit (DBU) - 380~400V</b>		
LSLV 0150DBU-4LN	Brake unit for 15kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	4,200,000
LSLV 0220DBU-4LN	Brake unit for 22kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	4,850,000
LSLV 0370DBU-4LN	Brake unit for 37kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	5,850,000
LSLV 0370DBU-4HN	Brake unit for 37kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	12,750,000
LSLV 0750DBU-4LN	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	7,450,000
LSLV 0750DBU-4HN	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	18,150,000
INV, SV 750DB-4	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 100%ED (Enable Duty), CE certificated	25,400,000
LSLV 0900DBU-4HN	Brake unit for 90kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	22,150,000
LSLV 1320DBU-4HN	Brake unit for 132kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	27,000,000
LSLV 1600DBU-4HN	Brake unit for 160kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	36,700,000
LSLV 2200DBU-4HN	Brake unit for 220kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	40,500,000
INV, SV 2200DB-4	Brake unit for 220kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 100%ED (Enable Duty), CE certificated	31,300,000
<b>External brake resistors (Điện trở xả)</b>	<b>Temperature range: -50~200°C, Insulation resistance: over 100MΩ, Dielectric strength: AC 2,500V / 1 Min, Temperature coefficient: ±260 ppm / °C max</b>	
MCRA 50W 1.8K OHM J	50 wat, 1800ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	280,000
MCRA 100W 1.2K OHM J	100 wat, 1200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	280,000
MCRA 200W 1.2K OHM J	200 wat, 1200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	430,000
MCRA 100W 900 OHM J	100 wat, 900ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	200,000
MCRA 150W 600 OHM J	150 wat, 600ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	240,000
MCRA 200W 450 OHM J	200 wat, 450ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	330,000
MCRA 50W 400 OHM J	50 wat, 400ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	190,000
MCRA 100W 300 OHM J	100 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	200,000
MCRA 200W 300 OHM J	200 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	330,000
MCRA 100W 200 OHM J	100 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	200,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	Mô tả	Giá bán
MCRA 150W 150 OHM J	150 wat, 150ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	240,000
MCRA 200W 100 OHM J	200 wat, 100ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	330,000
MCRF 300W 600 OHM J	300 wat, 600ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	520,000
MCRF 300W 300 OHM J	300 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	460,000
MCRF 600W 300 OHM J	600 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	680,000
MCRF 400W 200 OHM J	400 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	570,000
MCRF 800W 200 OHM J	800 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	760,000
MCRF 300W 150 OHM J	300 wat, 150ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	470,000
MCRF 600W 130 OHM J	600 wat, 130ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	680,000
MCRF 1.2kW 130 OHM J	1200 wat, 130ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	940,000
MCRF 700W 120 OHM J	700 wat, 120ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	750,000
MCRF 1kW 90 OHM J	1000 wat, 90ohm resistor ( Based on 5% ED (Enable duty))	810,000
MCRF 1kW 85 OHM J	1000 wat, 85ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	810,000
MCRF 2kW 85 OHM J	2000 wat, 85ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,550,000
MCRF 300W 60 OHM J	300 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	470,000
MCRF 600W 60 OHM J	600 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	680,000
MCRF 1.2kW 60 OHM J	1200 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	940,000
MCRF 400W 50 OHM J	400 wat, 50ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	570,000
MCRF 800W 50 OHM J	800 wat, 50ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	760,000
MCRF 2kW 45 OHM J	2000 wat, 45ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,550,000
MCRF 500W 40 OHM J	500 wat, 40ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	610,000
MCRF 2kW 40 OHM J	2000 wat, 40ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,550,000
MCRF 1.6kW 33.9 OHM J	1600 wat, 33.9ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,190,000
MCRF 600W 33 OHM J	600 wat, 33ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	680,000
MCRF 1.2kW 33 OHM J	1200 wat, 33ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	940,000
MCRF 800W 20 OHM J	800 wat, 20ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	760,000
MCRF 1.6kW 20 OHM J	1600 wat, 20ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,190,000
MCRF 1.2kW 15 OHM J	1200 wat, 15ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	940,000
MCRF 1.6kW 8.5 OHM J	1600 wat, 8.5ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,190,000
MCRS 2.4kW 60 OHM J	2400 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,380,000
MCRS 2.4kW 35 OHM J	2400 wat, 35ohm resistor ( Based on 5% ED (Enable duty))	2,380,000
MCRS 2.4kW 30 OHM J	2400 wat, 30ohm resistor ( Based on 5% ED (Enable duty))	2,380,000
MCRS 2.4kW 22.8 OHM J	2400 wat, 22.8ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,380,000
MCRS 2.4kW 15 OHM J	2400 wat, 15ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,380,000
MCRS 2.4kW 10 OHM J	2400 wat, 10ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,380,000


Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	Mô tả	Giá bán
MCRS 2.4kW 8 OHM J	2400 wat, 8ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,380,000
MCRS 2.4kW 5.7 OHM J	2400 wat, 5.7ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	2,380,000
<b>Brake resistors (Case package type with hermostat sensor)</b>	<b>Temperature range: -50~200°C, Insulation resistance: over 20MΩ, Dielectric strength: AC 2,500 V / 1 Min, Temperature coefficient: ±260 ppm / °C max, Thermostat sensor: B contact</b>	
MCRF-ST 1.2kW 60 OHM J	1200 watt, 60 ohm resistor,	3,100,000
MCRF-ST 2kW 45 OHM J	2000 watt, 45 ohm resistor	3,600,000
MCRF-ST 2kW 40 OHM J	2000 watt, 40 ohm resistor	3,600,000
MCRF-ST 4kW 40 OHM J	4000 watt, 40 ohm resistor	6,100,000
MCRF-ST 2.4kW 35 OHM	2400 watt, 35 ohm resistor	4,300,000
MCRF-ST 1.6kW 33.9 OHM J	1600 watt, 33.9 ohm resistor	3,600,000
MCRF-ST 2.4kW 30 OHM J	2400 watt, 30 ohm resistor	4,300,000
MCRF-ST 4.8kW 30 OHM J	4800 watt, 30 ohm resistor	7,300,000
MCRF-ST 2.4kW 22.8 OHM J	2400 watt, 30 ohm resistor	4,300,000
MCRF-ST 3.6kW 20 OHM J	3600 watt, 20 ohm resistor	5,400,000
MCRF-ST 7.2kW 20 OHM J	7200 watt, 20 ohm resistor	8,900,000
MCRF-ST 3.2kW 16.9 OHM J	3200 watt, 16.9 ohm resistor	5,400,000
MCRF-ST 1.2kW 15 OHM J	1200 watt, 15 ohm resistor	3,100,000
MCRF-ST 5kW 12 OHM J	5000 watt, 12 ohm resistor	7,300,000
MCRF-ST 10kW 12 OHM J	10000 watt, 12 ohm resistor	12,500,000
MCRF-ST 4.8kW 11.4 OHM J	4800 watt, 11.4 ohm resistor	7,300,000
MCRF-ST 2.4kW 10 OHM J	2400 watt, 10 ohm resistor	4,300,000
MCRF-ST 4.8kW 10 OHM J	4800 watt, 10 ohm resistor	7,300,000
MCRF-ST 6.4kW 10 OHM J	6400 watt, 10 ohm resistor	8,800,000
MCRF-ST 12.8kW 10 OHM J	12800 watt, 10 ohm resistor	15,900,000
MCRF-ST 1.6kW 8.5 OHM J	1600 watt, 8.5 ohm resistor	3,600,000
MCRF-ST 6.4kW 8.4 OHM J	6400 watt, 8.4 ohm resistor	8,800,000
MCRF-ST 7.2kW 8.4 OHM J	7200 watt, 8.4 ohm resistor	8,900,000
MCRF-ST 14.4kW 8.4 OHM J	14400 watt, 8.4 ohm resistor	16,500,000
MCRF-ST 2.4kW 8 OHM J	2400 watt, 8 ohm resistor	4,300,000
MCRF-ST 4.8kW 8 OHM J	4800 watt, 8 ohm resistor	7,300,000
MCRF-ST 10kW 6 OHM J	10000 watt, 6 ohm resistor	12,500,000
MCRF-ST 20kW 6 OHM J	20000 watt, 6 ohm resistor	23,200,000
MCRF-ST 2.4kW 5.7 OHM J	2400 watt, 5.7 ohm resistor	4,300,000
MCRF-ST 3.6kW 5 OHM J	3600 watt, 5 ohm resistor	5,400,000
MCRF-ST 7.2kW 5 OHM J	7200 watt, 5 ohm resistor	8,900,000
MCRF-ST 13kW 5 OHM J	13000 watt, 5 ohm resistor	15,900,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	Mô tả	Giá bán
MCRF-ST 26kW 5 OHM J	26000 watt, 5 ohm resistor	32,400,000
MCRF-ST 3.2kW 4.2 OHM J	3200 watt, 4.2 ohm resistor	5,400,000
MCRF-ST 16kW 4 OHM J	16000 watt, 4 ohm resistor	21,400,000
MCRF-ST 32kW 4 OHM J	32000 watt, 4 ohm resistor	38,500,000
MCRF-ST 20kW 3.4 OHM J	20000 watt, 3.4 ohm resistor	23,200,000
MCRF-ST 40kW 3.4 OHM J	40000 watt, 3.4 ohm resistor	45,200,000
MCRF-ST 5kW 3 OHM J	5000 watt, 3 ohm resistor	7,300,000
MCRF-ST 10kW 3 OHM J	10000 watt, 3 ohm resistor	12,500,000
MCRF-ST 4.8kW 2.8 OHM J	4800 watt, 2.8 ohm resistor	7,300,000
MCRF-ST 24kW 2.8 OHM J	24000 watt, 2.8 ohm resistor	30,500,000
MCRF-ST 48kW 2.8 OHM J	48000 watt, 2.8 ohm resistor	58,300,000
MCRF-ST 6kW 2.4 OHM J	6000 watt, 2.4 ohm resistor	8,250,000
MCRF-ST 12kW 2.4 OHM J	12000 watt, 2.4 ohm resistor	15,300,000
MCRF-ST 26kW 2.4 OHM J	26000 watt, 2.4 ohm resistor	32,400,000
MCRF-ST 52kW 2.4 OHM J	52000 watt, 2.4 ohm resistor	75,000,000
MCRF-ST 7.5kW 2 OHM J	7500 watt, 2 ohm resistor	9,800,000
MCRF-ST 15kW 2 OHM J	15000 watt, 2 ohm resistor	16,500,000
MCRF-ST 30kW 2 OHM J	30000 watt, 2 ohm resistor	35,100,000
MCRF-ST 60kW 2 OHM J	60000 watt, 2 ohm resistor	79,400,000
MCRF-ST 10kW 1.5 OHM J	10000 watt, 1.5 ohm resistor	12,500,000
MCRF-ST 20kW 1.5 OHM J	20000 watt, 1.5 ohm resistor	23,200,000
MCRF-ST 13kW 1.2 OHM J	13000 watt, 1.2 ohm resistor	15,900,000
MCRF-ST 26kW 1.2 OHM J	26000 watt, 1.2 ohm resistor	32,400,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	kW	HP	In (A)		Mô tả	Giá bán	
<b>Loại 1 pha 200~240VAC (Protection degree IP20)</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	<b>Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải, máy nén, máy cán...)</b>		
LSLV0004S100-1EONNS	0.4/0.75kW	1/2HP	2.5A	-	1 pha, 200~240VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thẳng, control terminal I/O 5mm pitch	Call	
LSLV0008S100-1EONNS	0.75/1.5kW	1HP	5A	-		Call	
LSLV0015S100-1EONNS	1.5/2.2kW	2HP	8A	-		Call	
LSLV0022S100-1EONNS	2.2/3.7kW	3HP	11A	-		Call	
<b>Loại 3 Pha 200~240VAC (Protection degree IP20)</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	<b>Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)</b>		
LSLV0004S100-2EONNS	0.4/0.75kW	1/2HP	2.5A	-		Call	
LSLV0008S100-2EONNS	0.75/1.5kW	1HP	5A	-		Call	
LSLV0015S100-2EONNS	1.5/2.2kW	2HP	8A	-		Call	
LSLV0022S100-2EONNS	2.2/3.7kW	3HP	11A	-		Call	
LSLV0037S100-2EONNS	3.7/4kW	5HP	16A	-		Call	
LSLV0040S100-2EONNS	4/5.5kW	5.4HP	17A	-		Call	
LSLV0055S100-2EONNS	5.5/7.5kW	7.5HP	24A	-		Call	
LSLV0075S100-2EONNS	7.5/11kW	10HP	32A	-		Call	
LSLV0110S100-2EONNS	11/15kW	15HP	46A	-		Call	
LSLV0150S100-2EONNS	15/18.5kW	20HP	60A	-		3 pha, 200~240VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thẳng, control terminal I/O 5mm pitch	Call
<b>Loại 3 Pha 200~240VAC (Protection degree IP20)</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	<b>Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)</b>		
LSLV0004S100-4EONNS	0.4/0.75kW	1/2HP	1.25A	-	3 pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thẳng, control terminal I/O 5mm pitch	Call	
LSLV0008S100-4EONNS	0.75/1.5kW	1HP	2.5A	-		Call	
LSLV0015S100-4EONNS	1.5/2.2kW	2HP	4A	-		Call	
LSLV0022S100-4EONNS	2.2/3.7kW	3HP	5.5A	-		Call	
LSLV0037S100-4EONNS	3.7/4kW	5HP	8A	-		Call	
LSLV0040S100-4EONNS	4/5.5kW	5.4HP	9A	-		Call	
LSLV0055S100-4EONNS	5.5/7.5kW	7.5HP	12A	-		Call	
LSLV0075S100-4EONNS	7.5/11kW	10HP	16A	-		Call	
LSLV0110S100-4EONNS	11/15kW	15HP	24A	-		3 pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thẳng, EMC filter (C3), control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0150S100-4EONNS	15/18.5kW	20HP	30A	-		Call	
LSLV0185S100-4EONNS	18.5/22kW	25HP	39A	-	Call		
LSLV0220S100-4EONNS	22/30kW	30HP	45A	-	Call		
LSLV0300S100-4CONDS	30/37kW	40HP	61A	-	3 pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, detachable LCD keypad, built-in DC reactor, control terminal I/O 5mm pitch	Call	
LSLV0370S100-4CONDS	37/45kW	50HP	75A	-	Call		

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Tên hàng	kW	HP	In (A)		Mô tả	Giá bán
LSLV0450S100-4CONDS	45/55kW	60HP	91A	-	Reactor, control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0550S100-4CONDS	55/75kW	75HP	110A	-		Call
LSLV0750S100-4CONDS	75/90kW	100HP	152A	-		Call
<b>Loại 3 Pha 200~230VAC (Protection degree IP66 (NEMA4X))</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	<b>Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety. Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)</b>	
LSLV0004S100-2EXNNS	0.4/0.75kW	1/2HP	2.5A	-	3 Số pha, 200~240VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thắng, control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0008S100-2EXNNS	0.75/1.5kW	1HP	5A	-		Call
LSLV0015S100-2EXNNS	1.5/2.2kW	2HP	8A	-		Call
LSLV0022S100-2EXNNS	2.2/3.7kW	3HP	11A	-		Call
LSLV0037S100-2EXNNS	3.7/4kW	5HP	16A	-		Call
LSLV0040S100-2EXNNS	4/5.5kW	5.4HP	17A	-		Call
LSLV0055S100-2EXNNS	5.5/7.5kW	7.5HP	24A	-		Call
LSLV0075S100-2EXNNS	7.5/11kW	10HP	32A	-		Call
LSLV0110S100-2EXNNS	11/15kW	15HP	46A	-		Call
LSLV0150S100-2EXNNS	15/18.5kW	20HP	60A	-		Call
<b>Loại 3 Số pha 380~480VAC (Protection degree IP66 (NEMA4X))</b>			<b>HD</b>	<b>ND</b>	<b>Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety. Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)</b>	
LSLV0004S100-4EXNNS	0.4/0.75kW	1/2HP	1.25A	-	3 Số pha, 380~480VAC (+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thắng, control terminal I/O 5mm pitch	Call
LSLV0008S100-4EXNNS	0.75/1.5kW	1HP	2.5A	-		Call
LSLV0015S100-4EXNNS	1.5/2.2kW	2HP	4A	-		Call
LSLV0022S100-4EXNNS	2.2/3.7kW	3HP	5.5A	-		Call
LSLV0037S100-4EXNNS	3.7/4kW	5HP	8A	-		Call
LSLV0040S100-4EXNNS	4/5.5kW	5.4HP	9A	-		Call
LSLV0055S100-4EXNNS	5.5/7.5kW	7.5HP	12A	-		Call
LSLV0075S100-4EXNNS	7.5/11kW	10HP	16A	-		Call
LSLV0110S100-4EXNNS	11/15kW	15HP	24A	-		Call
LSLV0150S100-4EXNNS	15/18.5kW	20HP	30A	-		Call
LSLV0185S100-4EXNNS	18.5/22kW	25HP	39A	-		Call
LSLV0220S100-4EXNNS	22/30kW	30HP	45A	-		Call
<b>Phụ kiện dùng cho LSLV S100:</b>						
CANOpen (LSLV-S100), CCAN-S100						Call
Profibus-DP (LSLV-S100), CPDP-S100						Call
Ethernet (LSLV-S100), CENT-S100						Call

**- GHI CHÚ:**

\*\* HD (Heavy Duty): Overload 150% 1min.

\*\* ND (Normal Duty): Overload 110% or 120% 1min

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT



## CÔNG TY TNHH ETINCO

**Address:**

33 BT5, Phap Van - Tu Hiep  
New Urban Area, Yen So, Hanoi

**Mail:**

sale@etinco.vn

**Zalo:**

0939 66 44 22  
0904 99 88 77

**Tel:**

0939 66 44 22  
0904 99 88 77

**Website:**

etinco.vn